

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **307/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/7/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Ông Nguyễn Xuân Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ánh T** - Sinh năm 1975;

Bị đơn: Ông **Vũ Hòa B** - Sinh năm 1973;

Cùng HKTT: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. (*Bà T có mặt, ông B vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 14/4/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Trương Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Vũ Hòa B lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2000 tại UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B cờ bạc, nợ nần làm ăn, bà và gia đình có khuyên bảo và tha thứ nhưng ông B không nghe. Ngoài ra, ông B còn có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, ông B bỏ trốn từ

năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng. Việc ông B vay nợ bên ngoài khiến cho cuộc sống của mấy mẹ con bà vô cùng mệt mỏi, căng thẳng bởi nhiều người không quen biết đến đòi nợ, chửi bới, đe dọa, ném thuốc sâu vào nhà. Hiện ông B ở đâu, bà không biết, chỉ liên lạc bằng điện thoại với gia đình qua các con. Nay bà xác định tình cảm không còn, đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Vũ Việt A, sinh ngày 06/3/2000 và Vũ Duy H, sinh ngày 28/11/2008, hiện hai con đang ở với bà. Hai cháu sức khỏe bình thường. Cháu Việt A đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu ông B đóng góp nuôi con. Hiện bà làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn ông Vũ Hòa B lên Tòa để lấy lời khai nhưng ông B không có mặt, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông B.

Tại phiên tòa:

Bà Trương Thị Ánh T vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Khoảng một tháng trước ông B có về nhà thăm con, gia đình có họp về việc vợ chồng ly hôn, bà có thuyết phục ông B lên Tòa để giải quyết nhưng ông B không dám lên vì còn nợ ngoài xã hội nhiều, sợ bị siết nợ. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, bà vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung, đề nghị giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về

công nợ, bà T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xét. Về án phí, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại Đơn xin ly hôn và tài liệu kèm theo thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4 Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Vũ Hòa B theo quy định pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh T và ông Vũ Hòa B lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2000 tại UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng chỉ có bà T có mặt, ông B không đến Tòa và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của ông B nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của ông B.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu do Tòa án thu thập tại địa phương nơi bà T, ông B chung sống thể hiện: Sau khi kết hôn, năm 2018 vợ chồng bà T, ông B chung sống tại thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Quá trình sinh sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Hiện ông B ở đâu địa phương không rõ vì không thông báo.

Xét thấy, quá trình chung sống bà T và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do lối sống và kinh tế, ông B chơi bời, nợ nần, làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không có sự

chia sẻ trong cuộc sống. Đỉnh điểm từ năm 2019 ông B bỏ đi, vợ chồng không chung sống với nhau chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, hiện ông B ở đâu bà T không biết.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B đã căng thẳng và tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, không thể khắc phục được, ông bà sống ly thân, không ở cùng nhà, không sẻ chia, giúp đỡ nhau thực hiện các công việc trong gia đình và không thực hiện các nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà T xin ly hôn ông B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung là Vũ Việt A, sinh ngày 06/3/2000 và Vũ Duy H, sinh ngày 28/11/2008, hiện nay hai con đang ở với bà T. Hai cháu sức khỏe bình thường. Cháu Việt A đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu ông B đóng góp nuôi con. Hiện bà làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi ông B bỏ đi, bà T vẫn chăm sóc cháu H, ông B không quan tâm đến con chung. Ngoài ra, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện của bà T phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông B không có ý kiến trình bày về tài sản, công nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản khi ông B có đơn yêu cầu.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà T, ông B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị Ánh T đối với ông Vũ Hòa B. Bà T được ly hôn ông B.

2. Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung là Vũ Việt A, sinh ngày 06/3/2000 và Vũ Duy H, sinh ngày 28/11/2008. Con chung là Vũ Việt A đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, nên không xét.

Giao cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Duy H, kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông B kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho ông B khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Ánh T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0015656 ngày 21/4/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Trương Thị Ánh T, vắng mặt ông Vũ Hòa B. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS h.Hoài Đức;
- UBND p.An Dương, q.Lê Chân, TP Hải Phòng. (Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 24/3/2000).
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lan Anh